

Số: 21/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan ngày 12 tháng 11 năm 2018;

Để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019; có hiệu lực đối với Cộng hòa Pê-ru kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022

1. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“c) Cộng hòa Pê-ru áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

c.1) Từ ngày 19 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

c.2) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 4 như sau:

“a) Được nhập khẩu vào lãnh thổ các nước thành viên theo quy định tại Hiệp định CPTPP, bao gồm:

- a.1) Ô-xtrơ-rây-lia;
- a.2) Ca-na-đa;
- a.3) Nhật Bản;
- a.4) Liên bang Mê-hi-cô;
- a.5) Niu Di-lân;
- a.6) Cộng hòa Xinh-ga-po;
- a.7) Cộng hòa Pê-ru.”

3. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 5 như sau:

“c) Cộng hòa Pê-ru áp dụng mức thuế quy định tại Phụ lục II:

c.1) Từ ngày 19 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

c.2) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 5 như sau:

“b) Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước thành viên của Hiệp định CPTPP, bao gồm:

- b.1) Ô-xtrơ-rây-lia;
- b.2) Ca-na-đa;
- b.3) Nhật Bản;
- b.4) Liên bang Mê-hi-cô;
- b.5) Niu Di-lân;
- b.6) Cộng hòa Xinh-ga-po;
- b.7) Cộng hòa Pê-ru;

b.8) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước).”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.



2. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam vào Cộng hoà Pê-ru hoặc nhập khẩu vào Việt Nam từ Cộng hoà Pê-ru đăng ký từ ngày 19 tháng 9 năm 2021 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khải